

Số: 188/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 14 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1976

Địa chỉ: 208/2 Lê Văn T, khu phố 1, phường C, Quận 2

Bà Võ Thị Y, sinh năm 1979

Địa chỉ: 208/2 Lê Văn T, khu phố 1, phường C, Quận 2

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 131; Quyền số 01 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B ngày 27/8/2001 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đình T và bà Võ Thị Y là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa ông Nguyễn Đình T và bà Võ Thị Y là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa ông T và bà Y thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và cãi vã. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông T và bà Y bất đồng về tính cách, quan điểm sống, hai người không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra giữa ông T và bà Y thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn khác trong quá trình chung sống. Đã nhiều lần cả hai cố gắng hàn gắn rạn nứt nhưng không thành. Nay ông T và bà Y xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 2 giải quyết thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà Y có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đình Ngọc A (Nữ), sinh ngày 20/01/2002, đã trưởng thành nên ở với ai tùy ý và Nguyễn Đình Diễm M (Nữ), sinh ngày 24/9/2008. Ông T và bà Y thống nhất giao con chung tên Nguyễn Đình Diễm M (Nữ), sinh ngày 24/9/2008 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình T và bà Võ Thị Y thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 131; Quyền số 01 ngày 27/8/2001 tại Ủy ban nhân dân phường 22, quận Bình Thạnh không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông T và bà Y có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đình Ngọc Ánh (Nữ), sinh ngày 20/01/2002, đã trưởng thành nên ở với ai tùy ý và Nguyễn Đình Diễm My (Nữ), sinh ngày 24/9/2008. Ông T và bà Y thống nhất giao con chung tên Nguyễn Đình Diễm My (Nữ), sinh ngày 24/9/2008 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Đình T tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0027552 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 21/5/2020. Bà Y không phải nộp lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- UBND phường A, quận B;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến